

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/DS-PT  
Ngày 19 tháng 9 năm 2022  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Quang Khang**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trương Thanh Dũng**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hồng Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Trịnh Út Mười** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Bạch N**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: C, xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1965 (có mặt);

3.2. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1991 (vắng mặt);

3.3. Chị **Lý Thị Tr**, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng cư trú: C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3.5. Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; người đại diện theo

pháp luật: Ông Trương Đông H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Bạch N trình bày:*

Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả diện tích đất qua đo đạc thực tế 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006), đất tọa lạc tại C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do Chi cục kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu giao cho ông N quản lý sử dụng theo Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 08/5/2002 với diện tích 11,6ha, trong đó diện tích 7,6 ha ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn diện tích khoảng 40.000m<sup>2</sup> ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó bao gồm phần đất đang tranh chấp diện tích 913,4m<sup>2</sup>). Phần đất trên ông sử dụng ổn định đến năm 2008 thực hiện theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho phép chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang nuôi trồng thủy sản phía trong đê, giao lại cho Ủy ban nhân dân xã L quản lý, nhưng ông vẫn còn quyền quản lý và sử dụng phần đất này (thực tế ông chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang nuôi trồng thủy sản năm 2010) theo Biên bản về việc thanh lý hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp ngày 22/07/2010. Phần đất tranh chấp hiện tại ông Nguyễn Văn T đang chiếm sử dụng vào khoảng tháng 11 năm 2018. Hiện trạng đất tranh chấp có một phần là đường xỏ nước, một phần là đất trồng. Đồng thời, phía bên trong liền kề với phần đất đang tranh chấp ông còn phần đất nuôi trồng thủy sản đang canh tác diện tích khoảng 8,7 ha (hiện tại ông cho ông Lê Văn Th thuê vào đầu năm 2022) nên ông yêu cầu ông T trả lại phần đất nêu trên để ông thuận lợi cho việc canh tác phần đất còn lại.

Đối với ý kiến ông T, bà X trình bày, khi ông N chuyển nhượng đất cho ông Hà Mạnh Quý có vợ chồng ông T, bà X ký giáp ranh thể hiện cạnh phía Bắc giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn T (phần đất đang tranh chấp), khi ông N chuyển nhượng đất cho ông Q thì ông T và bà Xuyến đến ngăn cản không cho ông và ông Q cắm trụ đá làm ranh để chuyển nhượng nên ông mới đồng ý ghi trong giấy chuyển nhượng là để cạnh hướng Bắc giáp với ông T, vì thời điểm này ông đã khởi kiện đến Tòa án nhưng chưa được giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Phần đất tranh chấp giữa ông với ông Nguyễn Bạch N trước đây là sông Kênh xáng C đất bảo lưu sông, không thuộc quyền sở hữu của tổ chức cá nhân nào, đến khoảng năm 1998 Nhà nước nạo vét sông đắp đất lên, đến năm 1999 gia đình ông T đến khai phá và cất nhà ở (trước năm 1999 gia đình ông T sinh sống tại xã P, huyện GR nay là phường L, thị xã GR), khoảng tháng 7 năm 2018 ông N đến cắm trụ đá các phần đất của ông N và cắm luôn phần đất của ông đang quản lý sử dụng nên phát sinh tranh chấp. Do đó,

ông Nguyễn Bạch N yêu cầu ông trả phần đất có diện tích đất qua đo đạc thực tế 913,4m<sup>2</sup> thì ông không đồng ý. Vì khi ông N chuyển nhượng đất cho ông Hà Mạnh Q có vợ chồng ông ký giáp ranh thể hiện cạnh phía Bắc giáp với phần đất của ông nên phần đất đang tranh chấp không phải của ông N.

Phần đất tranh chấp hiện tại ông T cho ông Lê Văn Th thuê vào khoảng đầu năm 2022, thời hạn thuê đến hết năm 2027. Trường hợp Tòa án giải quyết có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông trả phần đất tranh chấp nêu trên thì ông không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng thuê đất giữa ông và ông Th, ông và ông Th sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X trình bày:* Bà X thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T và không trình bày ý kiến gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày:* Vào khoảng tháng 01/2022 ông có thuê của ông Nguyễn Văn T phần đất đường xỏ nước, thời hạn thuê đến hết năm 2027. Hiện tại, ông N và ông T đang tranh chấp phần đất trên. Trường hợp Tòa án giải quyết có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông T trả phần đất tranh chấp nêu trên thì ông không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng thuê đất giữa ông và ông T, ông và ông T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Bạch N và ông Nguyễn Văn T diện tích: 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006) thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý (trong đó có diện tích 145m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường Xóm Lung – C), đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Ủy ban nhân dân xã chỉ quản lý về mặt hành chính, hiện tại vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N; diện tích 145m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường Xóm Lung – Hiện tại chưa có quyết định thu hồi. Phần đất tranh chấp nêu trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân theo quy định của pháp luật.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do Chi cục kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu giao cho ông Nguyễn Bạch N quản lý sử dụng theo Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 08/5/2002 với diện tích 11,6ha. Ông N sử dụng ổn định đến năm 2008 thực hiện theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho phép chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang nuôi trồng thủy sản phía trong đê, giao lại cho Ủy ban nhân dân xã L quản lý, nhưng ông N vẫn còn quyền quản lý và sử dụng phần đất này theo Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp ngày 22/07/2010.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D và chị Lý Thị T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm nhưng các đương sự vắng mặt nên không có lời khai.

*Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:*

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 156, 157, 164, 165, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N đối với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị X, anh Nguyễn Văn D và chị Lý Thị Tr cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Bạch N phần đất diện tích: 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006) thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý (trong đó có diện tích 145m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường Xóm Lung – Cái Cù), đất tọa lạc tại ấp Cái Cù, xã L, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Tây giáp đường lộ Xóm Lung – Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Bạch N đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,10m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,14m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo không đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Bạch N 913,4m<sup>2</sup>, yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Bạch N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, không có ý kiến bổ sung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý trả cho ông Nguyễn Bạch N phần đất 913,4m<sup>2</sup> như bản án sơ thẩm đã tuyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự: Anh Nguyễn Văn Danh, chị Lý Thị Trang, ông Lê Văn Thắng và đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đông Hải đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc không đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Bạch N 913,4m<sup>2</sup>.

[2.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2020 và trích đo thửa đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Đông Hải, phần đất tranh chấp có diện tích 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006) thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý (trong đó có diện tích 145m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường Xóm Lung – Cái Cù), đất tọa lạc tại ấp Cái Cù, xã L, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Tây giáp đường lộ Xóm Lung – Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Bạch N đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,10m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,14m.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất: Lời trình bày của ông Nguyễn Bạch N về nguồn gốc đất tranh chấp là phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu. Do đó, có căn cứ xác định đất tranh chấp do Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu giao cho ông Nguyễn Bạch N theo Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 04/5/2002.

[2.3] Theo Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 04/5/2002 thì Chi Cục Kiểm lâm chỉ giao đất lâm nghiệp cho ông Nguyễn Bạch N chăm sóc, quản lý bảo vệ và trồng rừng. Theo Điều 3 của Hợp đồng thì ông N chỉ được quyền thực hiện sản xuất, hưởng các lợi ích từ chính sách lâm nghiệp như đầu tư vốn, chuyển giao kỹ thuật khuyến lâm; được bồi thường thiệt hại do bên cho thuê gây

ra; được hưởng giá trị sản phẩm của quá trình tĩa thừa rừng; được hưởng sản phẩm do mình kết hợp làm ra trên diện tích nhận khoán; được chuyển quyền nhận khoán tiếp tục cho người khác và ưu tiên hợp đồng tiếp tục khi hết hạn hợp đồng. Đến ngày 22/7/2010, Chi cục Kiểm lâm đã thanh lý hợp đồng Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 04/5/2002 với ông Nguyễn Bạch N. Biên bản thanh lý hợp đồng không có nội dung tiếp tục giao cho ông Nguyễn Bạch N tiếp tục quản lý, sử dụng đất để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất. Hơn nữa, Công văn số 379/KL-QLBVR ngày 19/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu đã xác định: Sau khi thanh lý Hợp đồng số 85/HĐ ngày 04/5/2002, Chi cục Kiểm lâm không giao lại đất cho ông Nguyễn Bạch N; Công văn số 3089/UBND, ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu cũng xác định: Ủy ban nhân dân huyện ĐH cũng chưa giao đất cho ông Nguyễn Bạch N.

[2.4] Như vậy, sau khi thanh lý Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 85/HĐ ngày 04/5/2002, ông Nguyễn Bạch N chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao lại phần đất 11,6ha (trong đó có 913,4m<sup>3</sup> đất tranh chấp). Do đó, cấp sơ thẩm nhận định sau khi thanh lý Hợp đồng số 85/HĐ ngày 04/5/2002, Chi cục kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu giao cho ông Nguyễn Bạch N quản lý, sử dụng phần đất diện tích 11,6ha (trong đó có phần đất đang tranh chấp diện tích 913,4m<sup>2</sup>). Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N; Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị X, anh Nguyễn Văn D và chị Lý Thị Tr cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Bạch N phần đất diện tích: 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006) là chưa có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T giao trả phần đất có diện tích 913,4m<sup>2</sup>. Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu,

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Bạch N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Bạch N.

Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.041.000 đồng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N không được chấp nhận nên ông N

phải chịu toàn bộ chi phí trên. Ông Nguyễn Bạch N đã nộp số tiền 2.041.000 đồng và chi hết cho việc thẩm định, định giá.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 156, 157, 164, 165, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch N đối với ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích 913,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 56, (theo bản đồ chính quy thành lập năm 2006); đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Tây giáp đường lộ Xóm Lung – Cái Cù, cạnh dài 10m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Bạch N đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,10m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 77,14m.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.041.000 đồng. Ông Nguyễn Bạch N đã nộp số tiền 2.041.000 đồng và chi hết cho việc thẩm định, định giá.

3. Về án phí:

3.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bạch N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;  
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**Trần Quang Khang**